

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/KDTM-ST
Ngày: 23-3-2021
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Văn Hứng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Phạm Thị Thiện**

2/ Bà **Nguyễn Thị Hồng Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thùy My** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A.**

Trụ sở: phường L, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Phúc V** – Chuyên viên XLN KHDN MN (*Theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2020 – Có mặt*).

Địa chỉ: đường C, phường A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: **Công ty TNHH MTV B** (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: đường H, phường B, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1970 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: đường H, phường B, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn ông **Bùi Phúc V** trình bày:

Công ty TNHH MTV B (gọi tắt là Công ty B) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh thành phố Cần Thơ (gọi tắt là Ngân hàng A), theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/CTO/17/0002/HDHM-BIL ngày 11/01/2017, với hạn mức tín dụng là 313.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động thương mại vắn, gối ép. Phương thức cho vay từng lần, lãi suất cho vay trong hạn là 21,2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, phía Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty B vay theo 03 khế ước nhận nợ gồm:

+ Lần: 01/Số: SME/CTO/17/0002/HDHM-BIL-01 ngày 11/01/2017 với số tiền nhận nợ 120.000.000 đồng.

+ Lần: 02/Số: SME/CTO/17/0002/HDHM-BIL-02 ngày 29/9/2017 với số tiền nhận nợ 99.900.000 đồng.

+ Lần: 03/Số: SME/CTO/17/0002/HDHM-BIL-03 ngày 29/9/2017 với số tiền nhận nợ 99.900.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bà Nguyễn Thị Bích P đã ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/CTO/17/0002/HDBL ngày 11/01/2017 với nội dung bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của cho Công ty B đối với Ngân hàng A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 28/02/2018 và chịu mức lãi suất quá hạn.

Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty B phải trả ngay một lần cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 24/02/2021 là **286.677.184 đồng** (Hai trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm tám mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 133.200.000 đồng và nợ lãi là 153.477.184 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 25/02/2021 Công ty B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng A.

Trường hợp Công ty B không thanh toán theo yêu cầu trên thì bà Nguyễn Thị Bích P phải liên đới thanh toán toàn bộ các khoản vay, khoản thẻ nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của các đương sự.

Tại phiên tòa:

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Bùi Phúc V trình bày:* Thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Công ty B phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ tạm tính đến ngày 23/3/2021 là 269.328.798 đồng (*Trong đó nợ gốc là 133.200.000 đồng, lãi trong hạn 2.130.197 đồng, lãi quá hạn 133.998.601 đồng*). Ngoài ra, kể từ ngày 24/3/2021 Công ty B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng A.

Trường hợp Công ty B không thanh toán theo yêu cầu trên thì bà Nguyễn Thị Bích P phải liên đới thanh toán toàn bộ các khoản vay, khoản thẻ nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn và người liên quan vắng mặt, dù được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Công ty B phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ tạm tính đến ngày 23/3/2021 là 269.328.798 đồng (*Trong đó nợ gốc là 133.200.000 đồng, lãi trong hạn 2.130.197 đồng, lãi quá hạn 133.998.601 đồng*). Ngoài ra, kể từ ngày 24/3/2021 Công ty B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng A.

Trường hợp Công ty B không thanh toán theo yêu cầu trên thì bà Nguyễn Thị Bích P phải liên đới thanh toán toàn bộ các khoản vay, khoản thẻ nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP A và Công ty TNHH MTV B có ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, với hạn mức là 313.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Quá trình thực hiện giao dịch, Công ty B không thực hiện theo

đúng thỏa thuận nên Ngân hàng có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích P mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến theo triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay mặc dù các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn thực hiện việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng A. Trường hợp Công ty B không thanh toán theo yêu cầu trên thì bà Nguyễn Thị Bích P phải liên đới thanh toán toàn bộ các khoản vay, khoản thẻ nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Nội dung vụ án*:

[3.1] *Đối với hợp đồng tín dụng*.

Căn cứ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/CTO/17/0002/HDHM-BIL ngày 11/01/2017 đã thể hiện cụ thể nội dung giữa Ngân hàng TMCP A với Công ty B có xác lập giao dịch về tín dụng với tổng số tiền cho vay tối đa là 313.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng vốn vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay trong hạn là 21,2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, phía Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty B vay theo 03 khế ước nhận nợ gồm:

+ Lần: 01/Số: SME/CTO/17/0002/HDHM-BIL-01 ngày 11/01/2017 với số tiền nhận nợ 120.000.000 đồng.

+ Lần: 02/Số: SME/CTO/17/0002/HDHM-BIL-02 ngày 29/9/2017 với số tiền nhận nợ 99.900.000 đồng.

+ Lần: 03/Số: SME/CTO/17/0002/HDHM-BIL-03 ngày 29/9/2017 với số tiền nhận nợ 99.900.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty B đã vay của Ngân hàng A là 319.800.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã thanh toán được khế ước nhận nợ lần 1 và 4 kỳ của lần 2 và 3, với tổng số tiền gốc đã thanh toán là 186.600.000 đồng. Đến ngày 28/02/2018 phía bị đơn đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã quá hạn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả 133.200.000 đồng nợ gốc (*nợ của 02 khế ước lần 2 và lần 3, mỗi khế ước 66.600.000 đồng*) và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/3/2021 gồm: lãi trong hạn 2.130.197 đồng, lãi quá hạn 133.998.601 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.2] Đối với hợp đồng bảo lãnh.

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty B với Ngân hàng A, bà Nguyễn Thị Bích P đã ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/CTO/17/0002/HDBL ngày 11/01/2017 với nội dung bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của cho Công ty B đối với Ngân hàng A. Xét thỏa thuận bảo lãnh của bà Nguyễn Thị Bích P đối với Công ty B bằng toàn bộ tài sản của mình là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 335, khoản 1 Điều 339, khoản 1 Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Bích P liên đới thanh toán toàn bộ các khoản vay của Công ty B là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Với những viện dẫn nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 68, khoản 16 Điều 70, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 335, khoản 1 Điều 339, khoản 1 Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc Công ty TNHH MTV B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 23/3/2021 là 269.328.798 đồng (*Trong đó nợ gốc là 133.200.000 đồng, lãi trong hạn 2.130.197 đồng, lãi quá hạn 133.998.601 đồng*) và tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/CTO/17/0002/HDHM-BIL ngày 11/01/2017.

Trường hợp Công ty TNHH MTV B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ vay trên thì bà Nguyễn Thị Bích P có trách nhiệm liên đới thanh toán bằng toàn bộ tài sản của mình theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/CTO/17/0002/HDBL ngày 11/01/2017.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH MTV B phải nộp 13.466.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được nhận lại 5.648.500 đồng (*Năm triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 002809 ngày 13/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Hứng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thiện

Nguyễn Thị Hồng Liên

Văn Hứng

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Hứng